

Bản án số: 112 /2018/HS-ST
Ngày: 04/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thơ.

Bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2018/TLST- HS ngày 01/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/Q ĐXXST-HS ngày 21/6/2018, đối với bị cáo:

Vũ Trọng D - Tên gọi khác: không; Sinh ngày 08/4/1995, tại tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: tổ 26, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: tự do; Con ông: Vũ Minh K(đã chết 2015); Con bà: Trần Thị D; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:* Anh Hà Văn L; Nơi cư trú: thôn L; xã Đ; huyện T, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị D; tổ 26, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Lê Ngọc N; Nơi cư trú: tổ 5, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị T - sinh: 1987; nơi cư trú: Tổ 60C, khu 4B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trần Văn Đ - sinh: 1985; nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Trần Văn T - sinh: 1988; nơi cư trú: Tổ 60C, khu 4B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2017, Vũ Trọng D đến làm việc tại Cửa hàng nhôm sắt T, ở tổ 60C, khu 4B, phường C, thành phố H do anh Trần Văn T làm chủ. Thời gian làm việc tại cửa hàng, D được anh T bố trí cho ăn ngủ tại cửa hàng cùng với Hà Văn L và anh Trần Văn Đồng. Thấy anh L có chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, số serial E502SA XX024T- G3NXCVC05F33010B, D nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 01 giờ ngày 09/01/2018, lợi dụng khi mọi người trong phòng đang ngủ, D đã trộm cắp chiếc máy tính xách tay của anh L mang về nhà ở tổ 26, khu 3, phường H, thành phố H để sử dụng. Đến 17 giờ ngày 26/01/2018, D mang chiếc máy tính đã trộm cắp của anh L đến cửa hàng sửa chữa máy tính Lê N, ở tổ 5, khu 6, phường H, thành phố H bán cho anh Lê Ngọc N được 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số: 26 ngày 26/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, số serial E502SA XX024T - G3NXCVC05F33010B, thời điểm bị trộm cắp, trị giá 5.890.000đồng (năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) (bút lục số 23).

Người bị hại: có lời khai xác nhận địa điểm, thời gian, tài sản bị mất và đã được nhận lại tài sản đủ và có quan điểm không yêu cầu bồi thường (BL từ 27 đến 33).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Ngọc N xác nhận khoảng 17 giờ ngày 26/01/2018, có một thanh niên đến nói sửa máy Laptop, sau đó nói không sửa nữa mà bán với giá 1.500.000đ, anh đồng ý mua và đã trả tiền cho thanh niên này. Anh đã giao nộp máy Laptop cho cơ quan điều tra, anh đã được nhận lại số tiền 1.500.000đ do bà Dạn trả (BL từ 43 đến 48); Bà Trần Thị D xác nhận là mẹ của bị cáo, bà có bỏ ra số tiền 1.500.000đ để trả cho anh N. Nay bà không yêu cầu D hoàn trả lại cho bà.

Người làm chứng: Anh Trần Văn T, Trần Văn Đ và chị Phạm Thị T có lời khai xác nhận sự việc Hà Văn L bị mất máy Laptop tại phòng ngủ, Vũ Trọng D có khai nhận đã lấy trộm máy Laptop của Linh...(BL từ 34 đến 42). Tại bản cáo trạng số: 98/CT-VKSHL ngày 29/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố H để xét xử bị cáo Vũ Trọng D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Trọng D theo tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm h,i,s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Vũ Trọng D từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, giao bị cáo cho Ủy ban nhân phường H quản lý trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trọng D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với Biên bản tạm giữ đồ vật; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Biên bản nhận dạng cùng với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 09/01/2018, tại Cửa hàng nhôm sắt T, ở tổ 60C, khu 4B, phường C, thành phố H, Vũ Trọng D đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS của anh Hà Văn L, trị giá 5.890.000đồng (năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Bị cáo Vũ Trọng D đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 5.890.000đồng, nên bị cáo Vũ Trọng D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật .

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Cần phải xử lý nghiêm bị cáo để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự .

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tài sản chiếm đoạt bị cáo bán và đã ăn tiêu hết số tiền thu bất chính, cơ quan Công an đã truy tìm vật chứng và do anh N tự nguyện nộp. Nên bị cáo không được áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, quá trình điều tra vụ án mặc dù bị cáo đã được nhận Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã không chấp hành, bỏ đi khỏi nơi cư trú, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Anh Hà Văn L xác nhận đã nhận lại đủ tài sản bị mất. Anh Lê Ngọc N cũng xác nhận đã nhận lại đủ số tiền do Mẹ bị cáo hoàn trả. Nên không đề cập.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại đủ cho người bị hại. Nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án này thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Trọng D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm i,s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Vũ Trọng D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, bà D, anh N, vắng mặt bị hại. Báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị cáo, bà D, anh N kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- THA TP.H.
- VKS TP.H.
- CA TP.H.
- Bị hại + Người liên quan.
- Lưu HS + Bị cáo

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Chiên